

Bản án số: 60/2019/HC-PT
Ngày: 25-02-2019
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba

Ông Trần Văn Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 75/2018/TLPT-HC ngày 09 tháng 02 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 10 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 508/2018/QĐPT-HC ngày 26 tháng 4 năm 2018; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Văn T; Địa chỉ cư trú: ấp CĐV, thị trấn CĐV, huyện PT, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Quách Phú Th; Địa chỉ cư trú: ấp XL, xã LVL, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Hợp đồng ủy quyền ngày 06 tháng 3 năm 2017, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Nguyễn Thanh Đ; Địa chỉ cư trú: ấp TT A, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện PT, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Minh H; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện PT; Địa chỉ cư trú: ấp CĐN, xã NVK, huyện PT, tỉnh Cà Mau (Giấy ủy quyền ngày 10/8/2017, vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn H1; Địa chỉ cư trú: ấp CĐV, thị trấn CĐV, huyện PT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông H1: Ông Lê Minh Ch; Địa chỉ cư trú: 215 ND Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện là ông Trần Văn T trình bày:

Ông T và ông Trần Văn Đ1 được ông bà cho lại hai phần đất sử dụng liền kề nhau. Vào ngày 20 tháng 9 năm 1993, Ông T được UBND huyện CN (nay là huyện PT) cấp quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 30.280m²; ông Đ1 cũng được UBND huyện CN (nay là huyện PT) cấp quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 26.990m². Phần đất tọa lạc tại ấp CĐV, thị trấn CĐV, huyện PT, tỉnh Cà Mau. Quá trình sử dụng, giữa ông và ông Đ1 xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất. Vụ việc đã được giải quyết tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2004/DSST ngày 31/12/2004 của Tòa án nhân dân huyện PT và bản án dân sự phúc thẩm số 64/DSPT ngày 20/4/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau nhưng chưa được Cơ quan Thi hành án tổ chức thi hành bản án.

Đầu năm 2017, Ông T phát hiện ông Trần Văn H1 (là con của ông Đ1) được UBND huyện PT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 716491 với diện tích là 34.391,9m². Đồng thời, UBND huyện PT cũng tự ý lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông cắt giảm 8.000m², diện tích còn lại là 22.575m².

Không đồng ý với hành vi cấp quyền sử dụng đất của UBND huyện PT nên Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Khởi kiện hành vi hành chính của UBND huyện PT cấp quyền sử dụng đất sai chồng lên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông;

- Hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện PT cấp cho ông Trần Văn H1 ngày 30/10/2014 (Giấy chứng nhận số BO.716491).

Người bị kiện là UBND huyện PT trình bày:

Tại Công văn số 1215/UBND ngày 06 tháng 9 năm 2017 của UBND huyện PT xác định: Tháng 5 năm 2014, Phòng Tài nguyên và Môi trường nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn H1 do nhận thừa kế quyền sử dụng đất của ông Trần Văn Đ1 tại thửa 85, 203 tờ bản đồ số 37 diện tích là 22.367m² tọa lạc tại ấp CĐV, thị trấn CĐV, huyện PT, tỉnh Cà Mau. Trong đó có 4.097m² đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn T, diện tích đất này trước đây có tranh chấp giữa Ông T với ông Đ1 đã được Tòa án nhân dân huyện PT giải quyết tại Bản án số 22/2004/DSST ngày 31/12/2004; Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết tại Bản án số 64/DSPT ngày 20/4/2005, nội dung giữ y hiện trạng phần đất đang tranh chấp với diện tích 4.097m² cho ông Trần Văn Đ1 quản lý sử dụng.

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện PT đã đề nghị Ông T cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất

huyện PT xác nhận diện tích theo quy định nhưng Ông T không đồng ý và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lúc đó đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện PT (có biên bản làm việc ngày 27/5/2014).

Ngày 08 tháng 6 năm 2014, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện PT có Công văn số 154/TN&MT về việc cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông T đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện PT. Sau đó, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện PT (nay là Chi nhánh Văn phòng đất ký đất đai huyện PT) xác nhận diện tích đất còn lại của Ông T giảm 4.097m² đất theo Bản án số 64/DSPT ngày 20/4/2005 và lập thủ tục cho ông H1 nhận thừa kế quyền sử dụng đất của ông Đ1 theo quy định.

Tại Công văn số 06/CCTHADS ngày 29/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT về việc phúc đáp Công văn số 164/CNVPĐKĐĐ ngày 28/12/2016 của Chi nhánh Văn phòng đất ký đất đai huyện PT xác định “Bản án đã hết thời hiệu thi hành án, ông Trần Văn Đ1 có quyền yêu cầu các cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bất cứ lúc nào khi ông cần”; Công văn số 07/CNVPĐKĐĐ ngày 10/01/2017 của Chi nhánh Văn phòng đất ký đất đai huyện PT về việc báo cáo quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn H1 “Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn H1 là đúng theo quy định”.

Do đó, UBND huyện PT xác nhận diện tích đất của Ông T theo Bản án số 64/DSPT ngày 20/4/2005 và lập thủ tục cho ông H1 là đúng theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn H1 trình bày:

Ông là người nhận thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Trần Văn Đ1 và cụ Lê Thị H2. Tháng 5 năm 2014, ông H1 xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với di sản thừa kế của cụ Đ1, cụ H1 để lại. Trong đó, có 4.097m² đất tranh chấp giữa cụ Đ1 và ông Trần Văn T và được Tòa án giải quyết tại Bản án sơ thẩm số 22/2004/DSST ngày 31/12/2004 của Tòa án nhân dân huyện PT và Bản án phúc thẩm số 64/2005/DSPT ngày 20/4/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Việc UBND huyện PT điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông T và cấp lại quyền sử dụng đất cho ông là đúng quy định pháp luật.

Do đó, ông H1 yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông T, giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện PT cấp cho ông.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 59 của Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện PT cấp cho ông Trần Văn H1 ngày 30/10/2014 (Giấy chứng nhận số BO716491).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, ông Quách Phú Th là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án bản án sơ thẩm, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện PT đã cấp cho ông Trần Văn H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Quách Phú Th là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn T không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ông T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hoặc hủy bản án sơ thẩm, hoặc xem xét thẩm định lại diện tích đất mà cơ quan có thẩm quyền đã cấp chồng lấn lên đất của Ông T.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện PT vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến.

Ông Trần Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến.

Ông Lê Minh Ch là người đại diện theo ủy quyền của ông H1 phát biểu ý kiến như sau: Thực đất phần đất hơn 4.000m² này đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận cho bà H2, nhưng do Ông T lấn chiếm nên ông Đ1 (cha ông H1) khởi kiện và được bản án sơ thẩm, phúc thẩm công nhận là của ông Đ1. Ông H1 là người thừa kế của ông Đ1. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Ông T là có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và các đương sự: Xét thấy, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Về yêu cầu kháng cáo của ông Quách Phú Th: Xét thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1 là có mâu thuẫn về diện tích, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ vấn đề này. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại theo thủ tục quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Trần Văn T nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, Ông T xác định rõ hai yêu cầu khởi kiện là: Khởi kiện hành vi hành chính của UBND huyện PT về việc cấp quyền sử dụng đất sai chồng lấn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của

ông và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO.716491 do UBND huyện PT cấp cho ông Trần Văn H1 ngày 30/10/2014.

Xét thấy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO.716491 công nhận quyền sử dụng của ông H1 đối với phần đất có diện tích 17.323m² thuộc thửa số 85, tờ bản đồ số 37 tại ấp CĐV, thị trấn CĐV, huyện PT. Phần đất này có nguồn gốc của bà Lê Thị Hạp (là mẹ của ông H1) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD.524100 ngày 02/12/2005, với diện tích 18.120 m² thuộc thửa 621 theo tài liệu năm 1993.

Theo Biên bản về việc sai lệch diện tích lập ngày 08/7/2013 (bút lục số 50), theo tài liệu năm 2012 thì thửa 621 cũ bao gồm các thửa 85, 86 và 303, tờ bản đồ số 37; do thửa 85 và 86 liền kề nhau, cùng mục đích sử dụng nên hợp thành thửa 85, bỏ thửa 86; thửa 303 có một phần diện tích theo đo đạc thực tế là 4.247 m² nằm lệch về phần đất của Ông T (đây là diện tích đất mà Bản án dân sự phúc thẩm số 64/DSPT ngày 20/4/2004) của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã xét xử).

Như vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO.716491 chỉ công nhận quyền sử dụng của ông H1 đối với phần đất có diện tích 17.323m² thuộc thửa số 85, tờ bản đồ số 37; còn toàn bộ phần đất có diện tích 5.044 m² thửa 303, tờ bản đồ số 37 (tức phần diện tích đất mà Ông T cho rằng UBND huyện PT cấp cho ông H1 chồng lấn qua phần đất của ông) được UBND huyện PT cấp cho ông H1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO.716809 ngày 30/10/2014.

Như phần trên đã nêu, Ông T có hai yêu cầu khởi kiện là: Khởi kiện hành vi hành chính của UBND huyện PT về việc cấp quyền sử dụng đất sai chồng lên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO.716491 do UBND huyện PT cấp cho ông H1 ngày 30/10/2014. Do đó, Giấy chứng nhận BO.716809 ngày 30/10/2014 không phải là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính này. Tuy nhiên, cần phải hiểu rằng, yêu cầu của Ông T khởi kiện hành vi hành chính của UBND huyện PT trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1 chồng lấn qua phần đất của ông chính là hành vi cấp Giấy chứng nhận BO.716809 ngày 30/10/2014.

Người khởi kiện có hai yêu cầu khởi kiện, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét giải quyết một yêu cầu, đó là yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO.716491 mà không xem xét giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính trong việc cấp giấy chứng nhận số BO.716809 là chưa giải quyết triệt để vụ án.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của Ông T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Cần hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Do hủy bản án sơ thẩm nên Ông T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015,

1/ Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

2/ Về án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Trần Văn T 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu 001246 ngày 19/01/2018 (do ông Quách Phú Th nộp thay) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp (án 09).

Võ Văn Khoa